TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ S- THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HS-ST
Ngày 11-4-2019

NHÂN DANH
N□ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ S – THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị T

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Khắc T và ông Phạm Tiến D

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Việt P - Thư ký Toà án nhân dân thị xã S, thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2019/TLST- HS ngày 15 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

Trương Thị N, sinh năm 1971; nơi sinh: xã Xuân Sơn, thị xã S, thành phố H; ĐKNKTT và cư trú: Thôn N, xã X, Thị xã S, Thành phố H; số CMTND: 112197737; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: kinh; Con ông Trương Văn X, sinh năm 1937 và bà Lê Thị P (đã chết); không có chồng, có 01 con sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2018 đến ngày 27/12/2018, bị cáo hiện đang tại ngoại (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đỗ Tiến C (tên gọi khác: T), sinh năm 1984, trú tại: Chợ M, xã V, huyện B, thành phố H (vắng mặt).

2. Anh Vũ Ngọc T (tên gọi khác: C), sinh năm 1971, trú tại: Thôn 2, xã T, huyện B, thành phố H (vắng mặt).

3. Chị Trương Thị T, sinh năm 1971, trú tại: thôn N, xã X, thị xã S, thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Đỗ Tiến C và Trương Thị N có mối quan hệ quen biết từ

trước nên ngày 19/12/2018 C đưa T đến nhà N để đặt vấn đề mua dâm. C trực tiếp đặt vấn đề mua dâm với N, còn T nhờ N tìm thêm bạn gái để mua dâm. N đồng ý nhưng hôm đó không gọi được bạn nên hẹn T hôm khác. T hứa với N nếu tìm được người bán dâm cho T thì sẽ trả tiền công giới thiệu cho N 1.000.000 đồng. N đồng ý và hẹn T đến thứ hai là ngày 24/12/2018 sẽ bố trí gái bán dâm và T đưa trước cho N 500.000 đồng tiền công và hứa nếu N gọi được gái bán dâm cho T thì T vẫn sẽ trả cho N 1.000.000 đồng tiền công. Sáng ngày 24/12/2018 N gọi điện thoại cho T bảo đi bán dâm. T đồng ý. Khoảng 19 giờ ngày 24/12/2018, T gọi điện thoại cho N, hỏi đã có gái bán dâm chưa, N trả lời đã gọi được. Sau đó T và C đi taxi đến nhà đón N và T cùng đi ăn tối. Ăn xong, T hỏi N bố trí cho T em nào, N chỉ vào T và nói "em này". T hỏi T "em có đồng ý đi nhảy với anh không". T hiểu ý T hỏi là có đồng ý bán dâm cho T không, T gật đầu đồng ý nên T đưa cho N 1.500.000 đồng là tiền công cho N và tiền mua dâm với T. N cầm tiền cất vào túi xách rồi hỏi xin thêm nhưng T bảo để khi khác. Lúc này, C cũng đưa cho N 500.000 đồng và bảo N tối nay đi với C. N hiểu ý C muốn mua dâm N nên N đồng ý rồi cầm tiền cất vào túi xách.

Sau khi giao dịch xong, cả bốn người đi xe Taxi đến nhà nghỉ P ở tổ dân phố 1, phường T, thị xã S để lấy phòng vào mua bán dâm. Tại nhà nghỉ, ông Hoàng Đình T đang trông coi nhà nghỉ đã xếp 2 phòng 201 và 202. N và C vào phòng 201, T và T vào phòng 202. Khi T và T vào phòng, T đã xuống gặp ông Tiến để lấy bao cao su, ông Tiến đưa cho T 03 chiếc bao cao su, T cầm rồi quay lại phòng, sau đó C sang xin T 01 chiếc bao cao su. Do nghi ngờ 02 đôi nam nữ hoạt động mua bán dâm ông Tiến đã trình báo công an. Công an thị xã S phối hợp cùng công an phường T kiểm tra hành chính phát hiện tại phòng 201 có Trương Thị N và Đỗ Tiến C; phòng 202 có Trương Thị T và Vũ Ngọc T đang có hành vi mua bán dâm. Tang vật thu giữ: Tại phòng 201: thu 01 chiếc bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su bị xé màu vàng bên ngoài có chữ Romax; thu trong túi xách của N 2.000.000đ và 01 điện thoại di động Nn hiệu Nokia 105 màu đen. Thu tại phòng 202: 02 chiếc bao cao su chưa qua sử dụng vỏ màu vàng, bên ngoài có chữ Romax; thu trong túi quần bên phải của Vũ Ngọc T: 01 ĐTDĐ Nn hiệu Mastel A109I vỏ màu đỏ; thu của T: 01 điện thoại di động Oppo F3 vỏ màu trắng.

Tại bản cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Viện kiểm sát thị xã S đã truy tố Trương Thị N về tội "Môi giới mại dâm". Áp dụng khoản 1 điều 328 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Trương Thị N phạm tội "Môi giới mại dâm". Về điều luật: áp dụng khoản 1 điều 328; điểm i, s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt: Trương Thị N từ 06 đến 09 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 điều 46, khoản 1 điều 47 BLHS; khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc bao cao su đã qua sử dụng; 01 vỏ bao cao su màu vàng bên ngoài có chữ

ROMAX; 02 bao cao su Nn hiệu ROMAX, vỏ màu vàng còn nguyên chưa xé vỏ. Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động Nn hiệu MASSTEL A109I, vỏ màu đỏ, bên trong lắp sim có số thuê bao là 0962247841; 01 điện thoại di động Nn hiệu OPPOF3, vỏ màu trắng, bên trong lắp sim số 0385004668 và 085644697; 01 điện thoại di động Nn hiệu Nokia, vỏ màu đen, bên trong lắp sim số thuê bao 0357263225. Tịch thu sung quỹ Nhà nước 2.500.000 đồng của Trương Thị N (đã thu giữ 2.000.000 đồng, bị cáo còn phải nộp tiếp 500.000 đồng). Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, lời khai của bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an TX S, Điều tra viên, VKSND TX S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo được đưa ra các tài liệu, chứng cứ phù hợp quy định của pháp luật, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Về hành vi của bị cáo được thể hiện: Tối ngày 24/12/2018 tại nhà nghỉ P ở tổ dân phố 1, phường T, thị xã S, thành phố H, Trương Thị N đã có hành vi môi giới, dẫn dắt để Trương Thị T và Vũ Ngọc T thực hiện hành vi mua bán dâm đồng thời bản thân N cũng thực hiện hành vi bán dâm cho Đỗ Tiến C. Tổng số tiền N thu lợi bất chính là 2.500.000 đồng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các nhân chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, tang vật chứng đã được thu giữ tại biên bản bắt người phạm tội quả tang. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, tội phạm đã hoàn thành. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Trương Thị N phạm tội: "Môi giới mại dâm" theo khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến đạo đức, thuần phong mỹ tục, đến đời sống văn hóa và trật tự trị an xã hội. Trong khi Nhà nước đã có Pháp lệnh phòng, chống mại dâm ngày 17/3/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các cơ quan Nhà nước còn tuyên truyền giải thích về tác hại của việc mại dâm, là một trong những nguyên nhân gây ra căn bệnh HIV/AIDS, bị cáo nhận thức rõ việc tự mình đi bán dâm và dụ dỗ, lôi kéo T đi bán dâm là vi phạm pháp luật nhưng vì hám lợi nên bị cáo đã bất chấp để thực hiện hành vi. Do đó, cần có hình phạt nghiêm khắc bắt cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên giảm

như một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1 điều 51 BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Đối với hành vi bán dâm của Trương Thị N và Trương Thị T. Căn cứ khoản 1 điều 23 Nghị định 167 ngày 12/11/2013 của Chính phủ, Công an thị xã S đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Đối với hành vi mua dâm của Đỗ Tiến C, Vũ Ngọc T. Căn cứ khoản 1 điều 22 Nghị định 167/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ, Công an thị xã S đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Đối với bà Nguyễn Thị Xuân và ông Hoàng Đình Tiến. Ngày 24/12/2018 bà Xuân là chủ nhà nghỉ Phương Nhi có nhờ ông Tiến trông coi cơ sở kinh doanh, ông Tiến nghi ngờ các đối tượng N, T, T C có hoạt động mại dâm nên đã báo tin cho Cơ quan Công an. Nên cơ quan điều tra không đưa ra hình thức xử lý đối với bà Xuân, ông Tiến là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về xử lý vật chứng: 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su, 02 bao cao su chưa qua sử dụng cần tịch thu tiêu hủy, số tiền 2.500.000đ do phạm tội mà có cần tịch thu của bị cáo để sung công; 01 điện thoại di động Nokia 105, 01 điện thoại di động Mastel A109I và 01 điện thoại di động Oppo F3 là công cụ giao dịch trong quá trình phạm tội cần tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước; 01 túi xách có hoa văn màu nâu bằng da thu giữ của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

3. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

4. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều là chứng cứ hợp pháp.

5. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án phản ánh cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa. HĐXX thấy không có dấu hiệu vi phạm nên không kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Thị N phạm tội "Môi giới mại dâm".

2. Về điều luật áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: Trương Thị N 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/12/2018 đến ngày 27/12/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc bao cao su đã qua sử dụng; 01 vỏ bao cao su màu vàng bên ngoài có chữ ROMAX, vỏ bao cao su đã bị xé; 02 bao cao su Nn hiệu ROMAX, vỏ màu vàng đã qua kiểm tra bao cao su còn nguyên chưa xé vỏ.

Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động Nn hiệu MASSTEL A109I, vỏ màu đỏ, Imeil1: 301014175373437, Imeil2: 301014175373445, bên trong lắp sim có số thuê bao là 0962247841, tình trạng điện thoại và sim không kiểm tra; 01 điện thoại di động Nn hiệu OPPOF3, vỏ màu trắng, số Imeil1: 865251033696413, Imeil 2: 865251033696405, bên trong lắp sim số 0385004668 và 085644697, tình trạng điện thoại và sim không kiểm tra; 01 điện thoại di động Nn hiệu Nokia, vỏ màu đen, số Imeil: 356962092290379, bên trong lắp sim số thuê bao 0357263225, tình trạng điện thoại và sim không kiểm tra.

Tịch thu của bị cáo Trương Thị N 2.500.000 đồng để sung quỹ Nhà nước (đã thu giữ 2.000.000 đồng, bị cáo còn phải nộp tiếp 500.000 đồng) .

Trả lại bị cáo 01 túi xách có hoa văn màu nâu bằng da, đã qua sử dụng.

(Toàn bộ vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/3/2019 và số tiền 2.000.000 đồng Công an thị xã S thu giữ đã nộp vào tài khoản số 3949.0.1052740, ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã S, tại kho bạc Nhà nước S, H).

4. Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 điều 135; khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trương Thị N phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đ- ợc quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi gửi:**
- *Tòa án TP H;*
- *VKS TX S;*
- *Công an TX S;*

T.M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- *Chi cục THADS TX S;*
- *Bị cáo; NCQLNVLQ;*
- *Dán án;*
- *Lưu hồ sơ.*

Bùi Thị Tú

Các Hội thẩm nhân dân

T.M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bùi Thị Tú